TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 44/2024/QĐST-DS	*G, ngày 17 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 144/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Trần Thị L, sinh năm 1958; địa chỉ: số 165, ấp L1, xã L2, huyện G, tỉnh B. *Người đại diện theo ủy quyền:* bà Trần Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: số 198A, ấp 1, xã P, thành phố B, tỉnh B.

- *Bị đơn*: bà Cao Thị D, sinh năm 1949; địa chỉ: tổ 12, ấp L1, xã L2, huyện G, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1951; địa chỉ: tổ 12, ấp L1, xã L2, huyện G, tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Cao Thị D và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị L số tiền còn nợ trong hợp đồng hụi là 45.200.000đ (bốn mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng). Ghi nhận việc bà L không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do hoà giải thành được giảm 50% theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án (45.200.000đ x 2,5%): 1.130.000đ (một triệu một trăm ba mươi nghìn đồng) mỗi bên phải chịu một nữa là 565.000đ (năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Tuy nhiên, do bà Trần Thị L, bà Cao Thị D, ông Nguyễn Văn T đều thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn nộp số tiền trên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- TAND tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Ngọc Duyên